



HỘI NGHỊ KHOA HỌC CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH TP.HCM MỞ RỘNG XII - 2025

GIÁ TRỊ CỦA X-QUANG CẮT LỚP VI TÍNH TRONG ĐÁNH GIÁ GIAI ĐOẠN T UNG THƯ BIỂU MÔ ĐƯỜNG NIỆU TRÊN

BSNT. HOÀNG HỒNG PHÚC
THS.BS CKII ĐẶNG NGỌC THẠCH

Nha Trang, ngày 11 tháng 04 năm 2025

NỘI DUNG

1. ĐẶT VẤN ĐỀ – MỤC TIÊU NGHIÊN CỨU
2. TỔNG QUAN TÀI LIỆU
3. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU
4. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU – BÀN LUẬN
5. KẾT LUẬN
6. HẠN CHẾ – KIẾN NGHỊ

1. ĐẶT VẤN ĐỀ – MỤC TIÊU NGHIÊN CỨU

PHỔ BIẾN

Chiếm 5-7% trong tất cả các khối u thận và 5-10% trong tất cả các khối u đường tiết niệu.

Tỷ lệ mắc: 1-2 / 100.000 người

NGHIÊM TRỌNG

Khoảng 60% xâm lấn và 7% đã di căn khi chẩn đoán

Tiên lượng sống trung bình 5 năm: 57%

VAI TRÒ

Nhanh chóng

Chẩn đoán, đánh giá xâm lấn, lên kế hoạch điều trị.

- Siegel RL, Miller KD, Jemal AJCacjfc. Cancer statistics, 2018. 2018;68(1):7-30.
- Rouprêt M, Babjuk M, Burger M, et al. European Association of Urology guidelines on upper urinary tract urothelial carcinoma: 2020 update

1. ĐẶT VẤN ĐỀ – MỤC TIÊU NGHIÊN CỨU

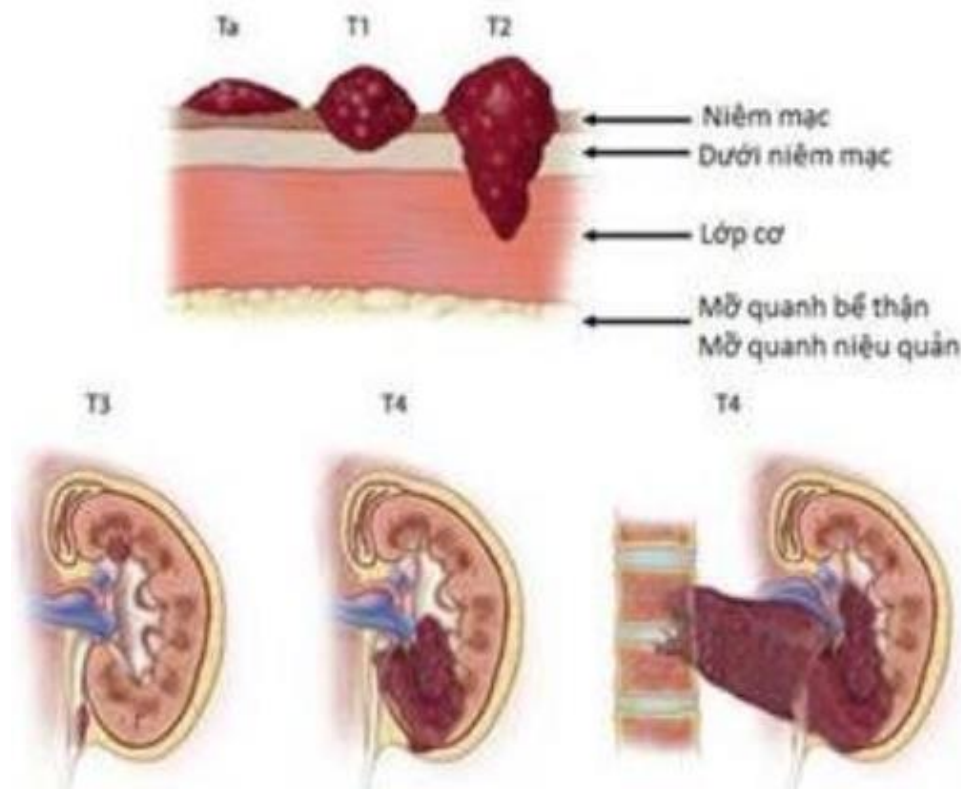
ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU:

“Giá trị của X quang cắt lớp vi tính trong đánh giá giai đoạn T ung thư biểu mô đường niệu trên”

MỤC TIÊU NGHIÊN CỨU:

1. *Mô tả đặc điểm hình ảnh X Quang cắt lớp vi tính của ung thư biểu mô đường niệu trên.*
2. *Khảo sát giá trị của X Quang cắt lớp vi tính trong chẩn đoán giai đoạn T ung thư biểu mô đường niệu trên.*

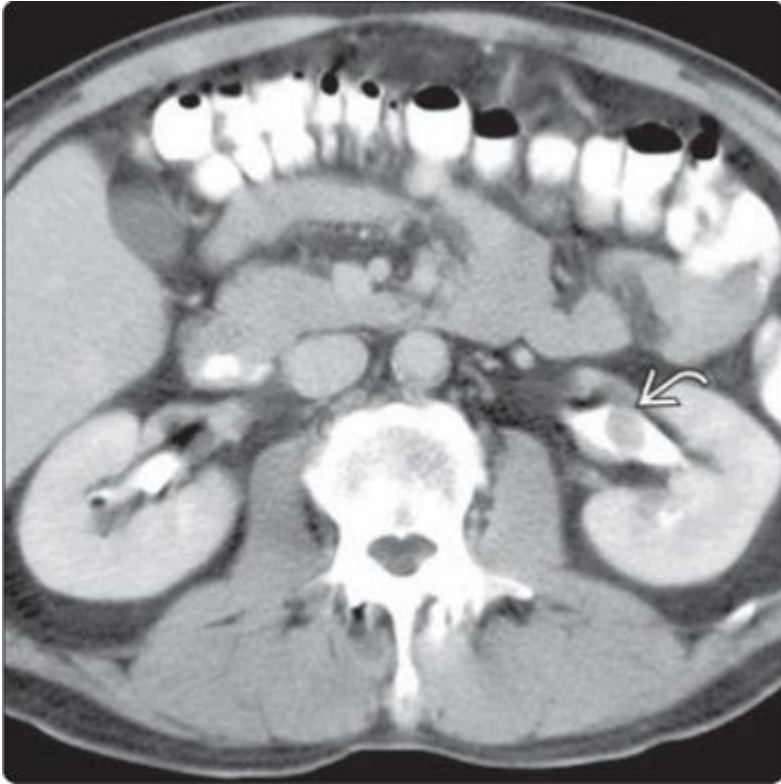
2. TỔNG QUAN TÀI LIỆU



Tổng quan phân độ giai đoạn T theo AJCC 8th

- Brierley JD, Gospodarowicz MK, Wittekind C. *TNM classification of malignant tumours. Urological Tumours. John Wiley & Sons; 2017.*

2. TỔNG QUAN TÀI LIỆU



Ung thư biểu mô đài bể thận
giai đoạn T1



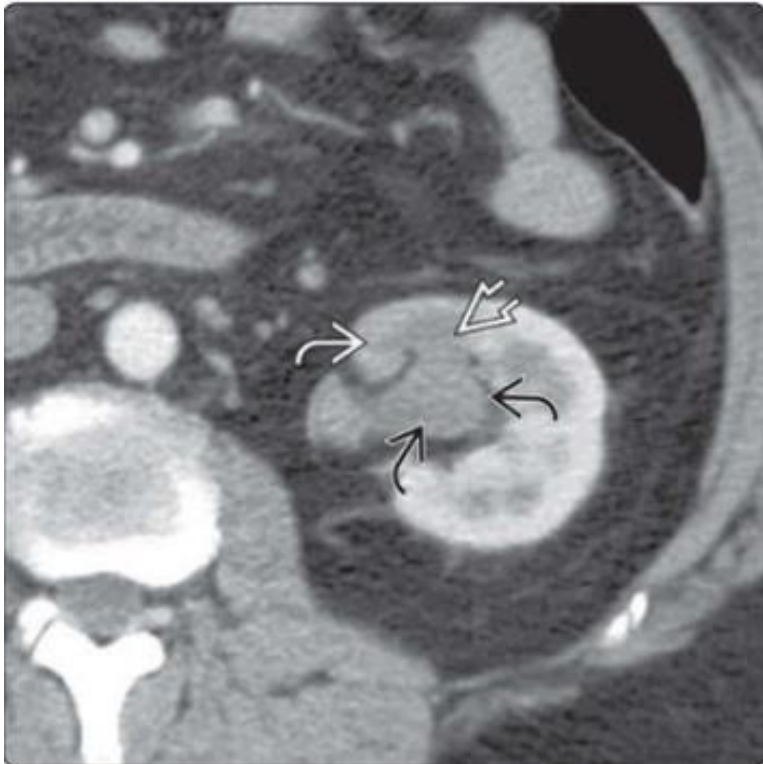
Ung thư biểu mô đài bể thận
giai đoạn T2



Ung thư biểu mô niệu quản
giai đoạn T1

- *Drs. Ghaneh Fananapazir BRF. Diagnostic Imaging: Genitourinary (fourth edition). Renal Pelvis and Ureter Carcinoma Staging. Elsevier; 2021.*

2. TỔNG QUAN TÀI LIỆU



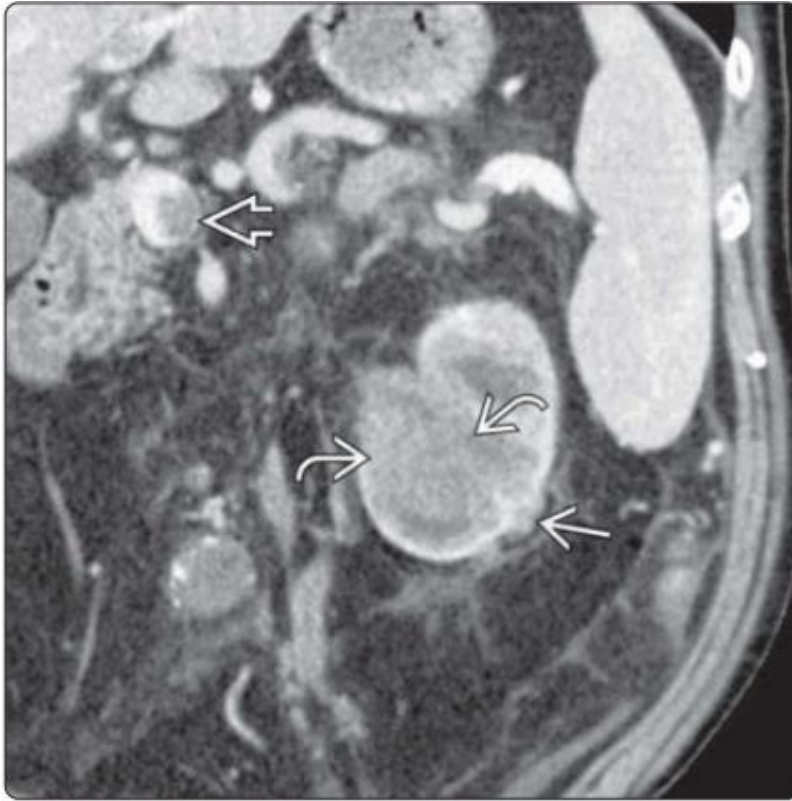
Ung thư biểu mô đài bể thận
giai đoạn T3



Ung thư biểu mô niệu quản
giai đoạn T3

- *Drs. Ghaneh Fananapazir BRF. Diagnostic Imaging: Genitourinary (fourth edition). Renal Pelvis and Ureter Carcinoma Staging. Elsevier; 2021.*

2. TỔNG QUAN TÀI LIỆU



Ung thư biểu mô đài bể thận
giai đoạn T4



Ung thư biểu mô niệu quản
giai đoạn T4

- *Drs. Ghaneh Fananapazir BRF. Diagnostic Imaging: Genitourinary (fourth edition). Renal Pelvis and Ureter Carcinoma Staging. Elsevier; 2021.*

3. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

THIẾT KẾ NGHIÊN CỨU:

Nghiên cứu mô tả hàng loạt ca

DÂN SỐ CHỌN MẪU:

Các bệnh nhân có chẩn đoán xác định là ung thư biểu mô đường niệu trên tại Bệnh viện Bình Dân từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2024.

3. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

☑ TIÊU CHUẨN CHỌN MẪU:

- Bệnh nhân UTBMĐNT được chụp XQCLVT có tiêm thuốc cản quang khảo sát hệ niệu trước phẫu thuật
- Bệnh nhân được phẫu thuật có kết quả giải phẫu bệnh là UTBMĐNT

☒ TIÊU CHUẨN LOẠI TRỪ:

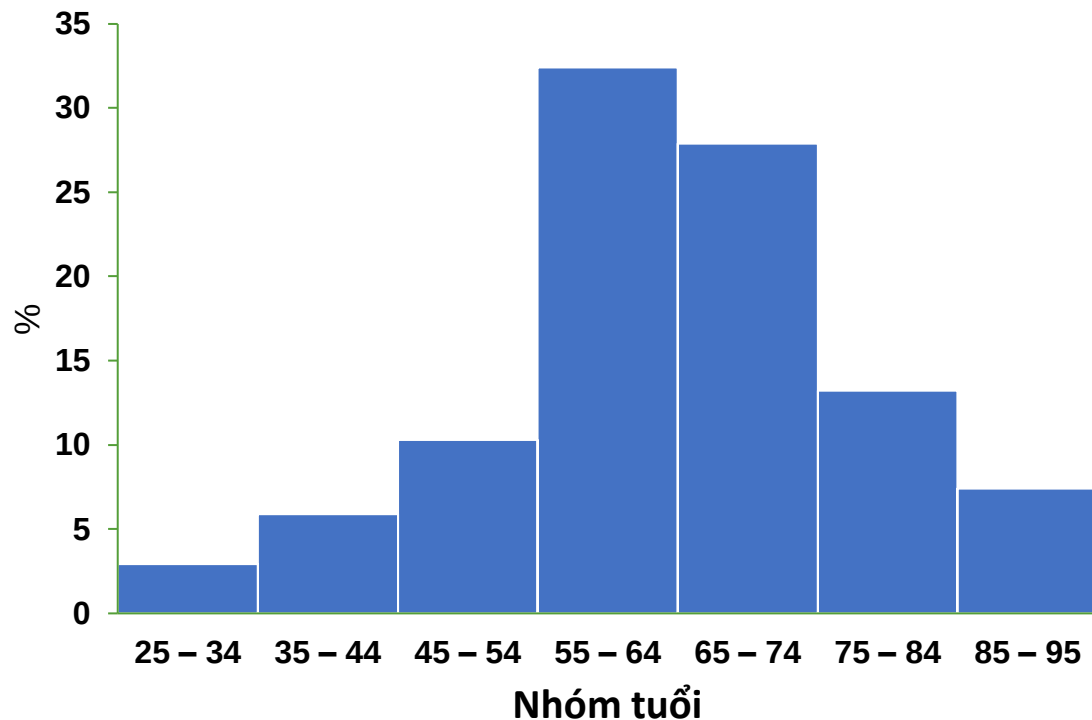
- Bệnh nhân UTBMĐNT đã từng điều trị trước đó.
- Bệnh nhân UTBMĐNT tái phát.
- Hình ảnh XQCLVT không được lưu trong hệ thống PACS của bệnh viện

4. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU – BÀN LUẬN

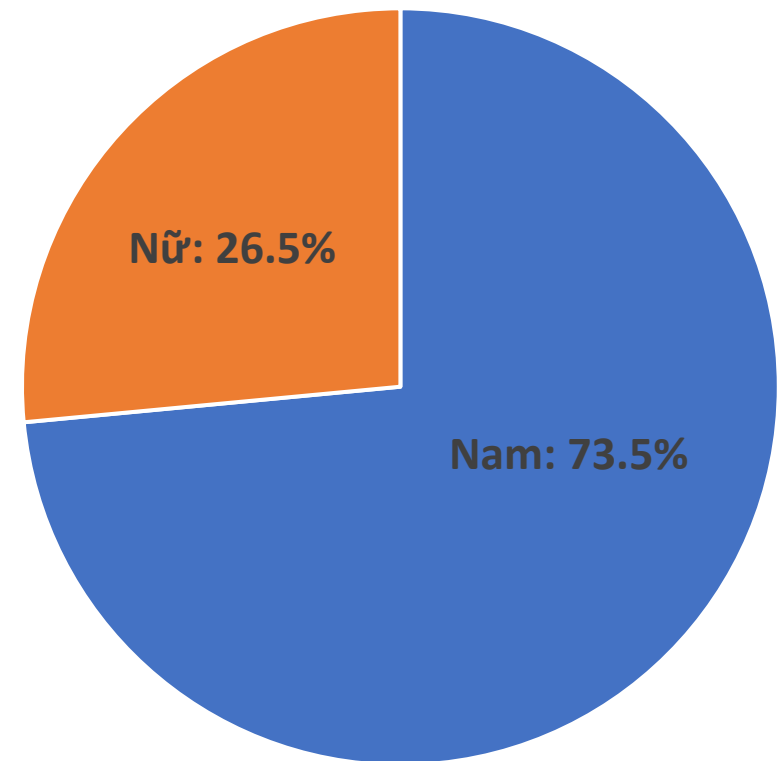
✓ ĐẶC ĐIỂM CHUNG

▪ Đặc điểm tuổi

Từ 01/01/2023 đến 30/06/2024 tại BV Bình Dân, chúng tôi đã chọn ra được 68 đối tượng có đầy đủ tiêu chuẩn đưa vào mẫu nghiên cứu.



▪ Đặc điểm giới tính



4. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU – BÀN LUẬN

✓ ĐẶC ĐIỂM CHUNG

▪ Đặc điểm loại tế bào

GPB Nghiên cứu	Tế bào chuyển tiếp	Tế bào tuyến	Tế bào gai	Khác
Nguyễn Thanh Vân (2015)	78,6%	1,8%	17,8%	1,8%
Abouelkheir và cs (2021)	97%	-	-	3%
Chúng tôi	89,7%	2,9%	7,4%	-

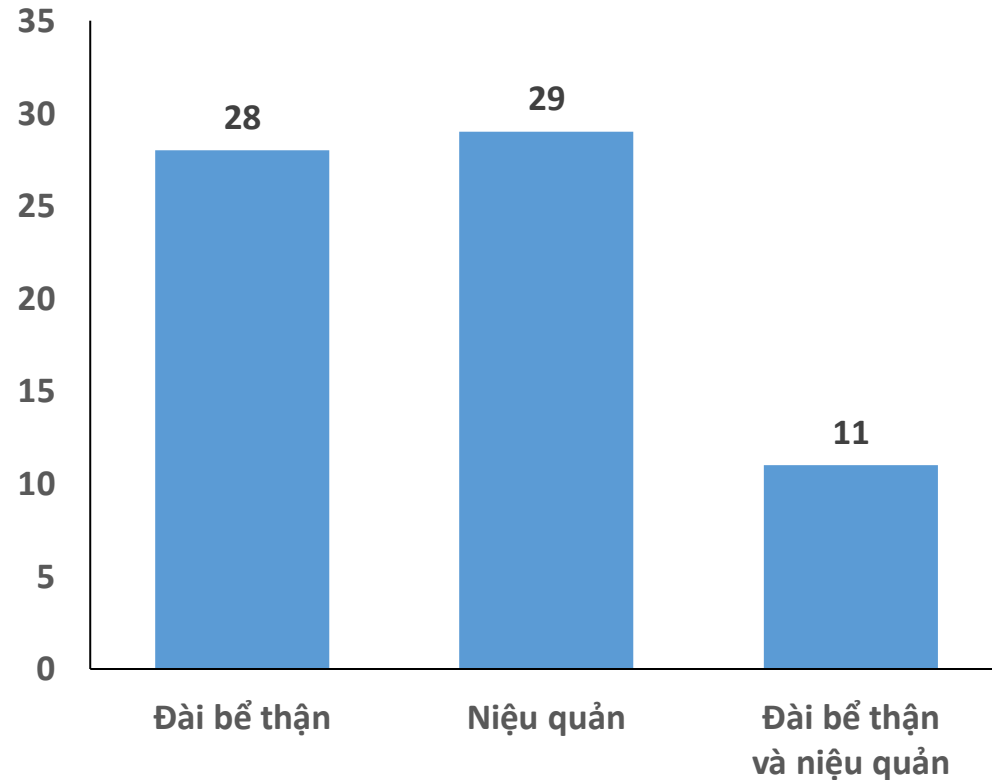
▪ Đặc điểm độ biệt hóa

Độ biệt hóa Nghiên cứu	Biệt hóa kém	Biệt hóa vừa	Biệt hóa tốt
Abouelkheir và cs (2021)	5,1%	60,7%	34,2%
Chúng tôi	63,2%	19,1%	17,6%

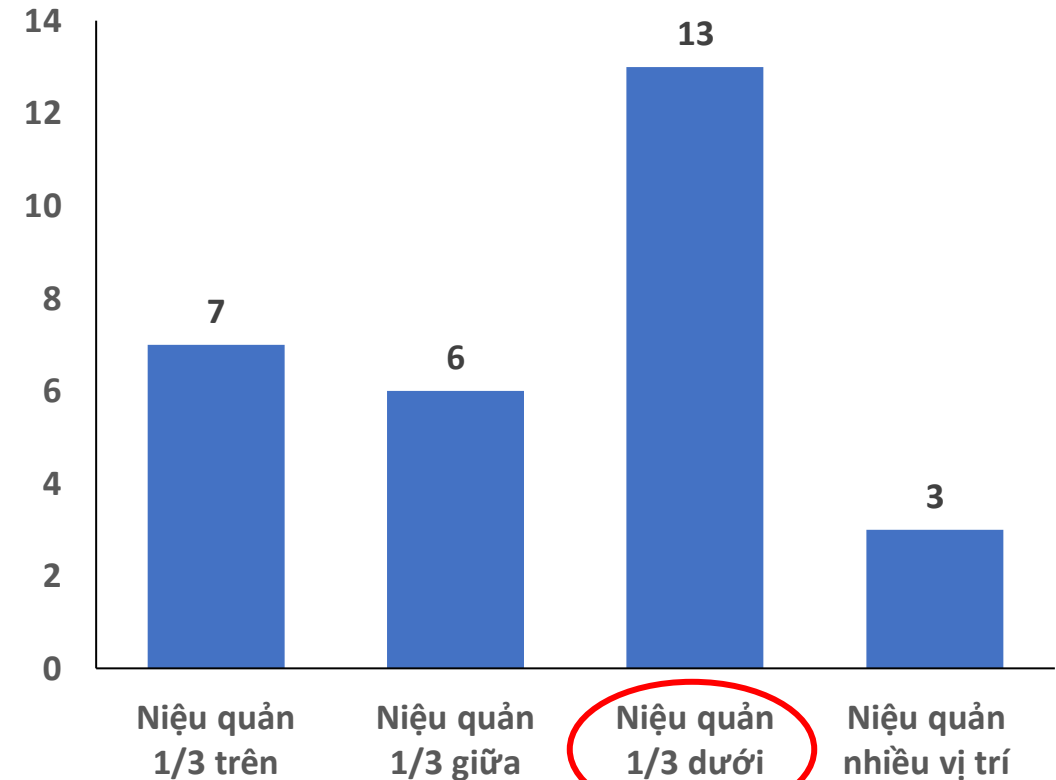
4. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU – BÀN LUẬN

✓ ĐẶC ĐIỂM HÌNH ẢNH UNG THƯ BIỂU MÔ ĐƯỜNG NIỆU TRÊN

▪ Vị trí ung thư



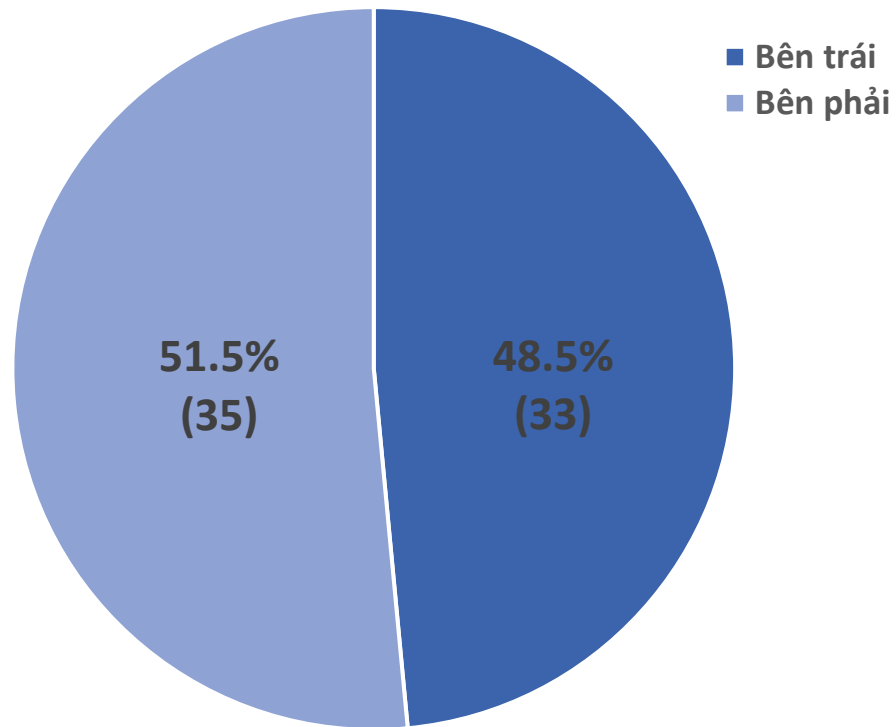
▪ Vị trí ung thư niệu quản



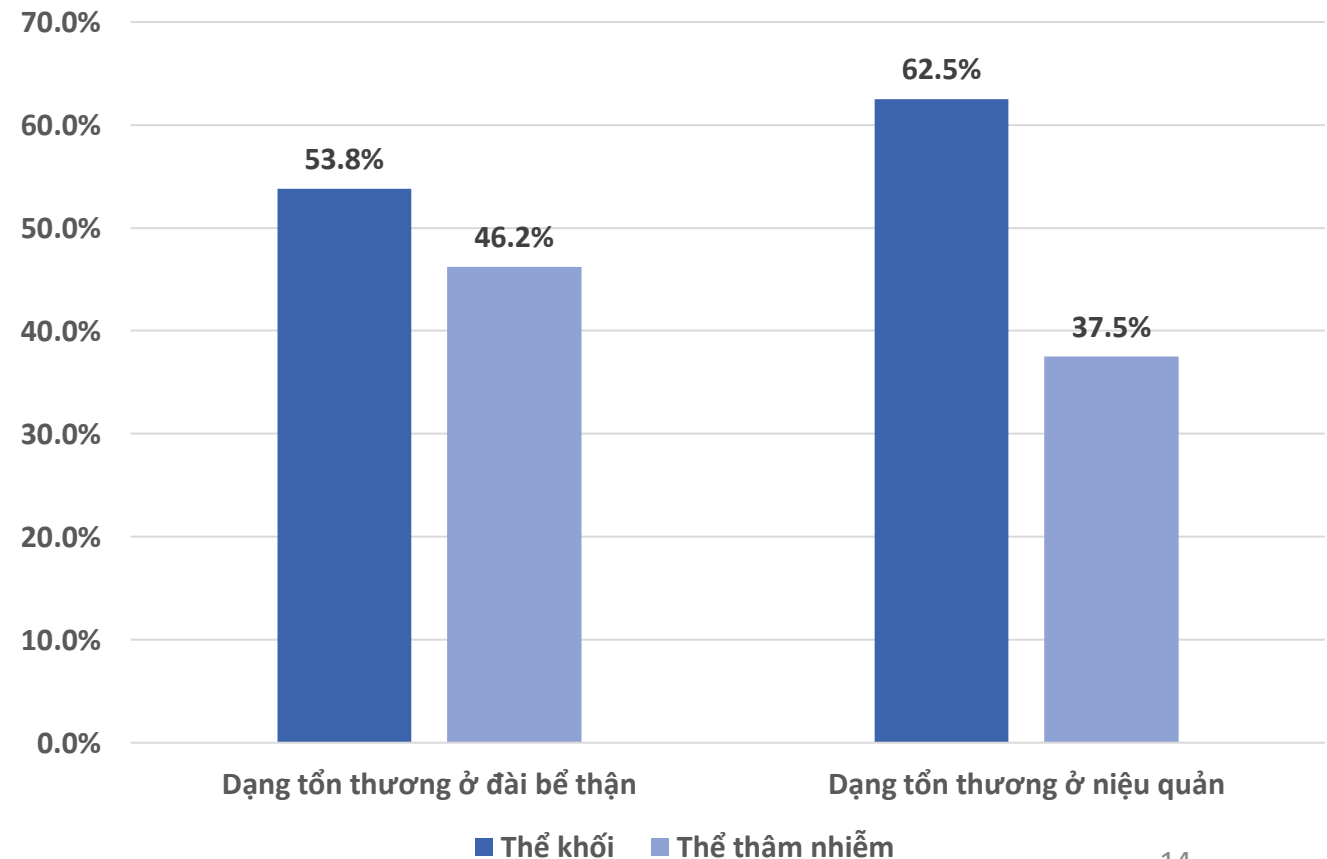
4. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU – BÀN LUẬN

✓ ĐẶC ĐIỂM HÌNH ẢNH UNG THƯ BIỂU MÔ ĐƯỜNG NIỆU TRÊN

▪ Bên hệ niệu tổn thương



▪ Dạng tổn thương



4. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU – BÀN LUẬN

✓ ĐẶC ĐIỂM HÌNH ẢNH UNG THƯ BIỂU MÔ ĐƯỜNG NIỆU TRÊN

▪ Kích thước u

Nhóm kích thước u	Số lượng	Tỷ lệ (%)
≤ 30 mm	12	26,1
$> 30 - 50$ mm	14	30,4
> 50 mm	20	43,5
Tổng	46	100
Kích thước trung bình: $49,6 \pm 26,1$ mm		

- Nguyễn Thanh Vân (2015): kích thước tổn thương trung bình 48,7 mm. Tổn thương > 50 mm chiếm ưu thế (41,3%).
- Yu và cs (2020): kích thước tổn thương trung bình 33 mm.

4. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU – BÀN LUẬN

✓ ĐẶC ĐIỂM HÌNH ẢNH UNG THƯ BIỂU MÔ ĐƯỜNG NIỆU TRÊN

▪ Kích thước u

	Kích thước trung bình $\pm$ Độ lệch chuẩn (mm)	Kích thước lớn nhất (mm)	Kích thước nhỏ nhất (mm)	Giá trị p
Đài bể thận (n=21)	55,3 $\pm$ 29,8	148,9	20	p = 0,177
Niệu quản (n=25)	44,8 $\pm$ 22,0	88,6	15	
Tổng (n=46)	49,6 $\pm$ 26,1	148,9	15	

4. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU – BÀN LUẬN

✓ ĐẶC ĐIỂM HÌNH ẢNH UNG THƯ BIỂU MÔ ĐƯỜNG NIỆU TRÊN

- Mối liên quan giữa kích thước u với tình trạng xâm lấn

	Kích thước trung bình $\pm$ Độ lệch chuẩn (mm)	Kích thước lớn nhất (mm)	Kích thước nhỏ nhất (mm)	Giá trị p
Xâm lấn (n=20)	58,2 $\pm$ 29,1	148,9	23,3	p = 0,047
Không xâm lấn (n=26)	42,9 $\pm$ 21,8	88,6	15	
Tổng (n=46)	49,6 $\pm$ 26,1	148,9	15	

4. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU – BÀN LUẬN

✓ ĐẶC ĐIỂM HÌNH ẢNH UNG THƯ BIỂU MÔ ĐƯỜNG NIỆU TRÊN

▪ Các đặc điểm khác

Đặc điểm		Số lượng	Tỷ lệ (%)
Vôi hóa	Có	02	2,9
	Không	66	97,1
Mức độ ngấm thuốc	Ít	-	-
	Vừa	13	19,1
	Mạnh	55	80,9
Dạng ngấm thuốc	Không đều	26	38,2
	Đều	42	61,8

- Các tổn thương UTBMĐNT phần lớn có các đặc điểm chung như: ngấm thuốc cản quang mạnh và đều, hầu như không đóng vôi trong u.
- Nguyễn Thanh Vân (2015): ung thư trên XQCLVT có các đặc điểm: ngấm thuốc mạnh (82,1%), ngấm thuốc đều (58,9%), vôi hóa (7,1%).

4. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU – BÀN LUẬN

✓ ĐẶC ĐIỂM HÌNH ẢNH UNG THƯ BIỂU MÔ ĐƯỜNG NIỆU TRÊN

▪ Các đặc điểm khác

Nghiên cứu	Tỷ lệ giãn đường niệu trên u (%)
Nguyễn Thanh Vân (2015)	87,5%
Nguyễn Duy Trí Dũng (2020)	85%
Yu và cs (2020)	68%
Chúng tôi	88,2%

Tổn thương đi kèm	Số lượng (Tỷ lệ %)
Sỏi hệ niệu	14 (20,6%)
Thận teo	20 (29,4%)

4. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU – BÀN LUẬN

✓ ĐẶC ĐIỂM XÂM LẤN UNG THƯ BIỂU MÔ ĐƯỜNG NIỆU TRÊN

▪ U ở đài bể thận

Tính chất xâm lấn	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Không xâm lấn	15	38,5
Chỉ xâm lấn nhu mô thận và mỡ xoang thận	17	43,6
Xâm lấn qua nhu mô thận tới khoang mỡ quanh thận, không xâm lấn tạng	05	12,8
Xâm lấn tạng	02	5,1
Tổng	39	100

▪ U ở niệu quản

Tính chất xâm lấn	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Không xâm lấn	31	77,5
Xâm lấn mỡ quanh niệu quản	09	22,5
Xâm lấn tạng	-	-
Tổng	40	100

4. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU – BÀN LUẬN

✓ ĐẶC ĐIỂM XÂM LẤN UNG THƯ BIỂU MÔ ĐƯỜNG NIỆU TRÊN

- Mỗi liên quan giữa vị trí u với tình trạng xâm lấn

	Đài bể thận	Niệu quản	Tổng	Giá trị p
Không xâm lấn (<T3)	15	31	46	p < 0,001
Xâm lấn (≥ T3)	24	09	33	
Tổng	39	40	79	

4. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU – BÀN LUẬN

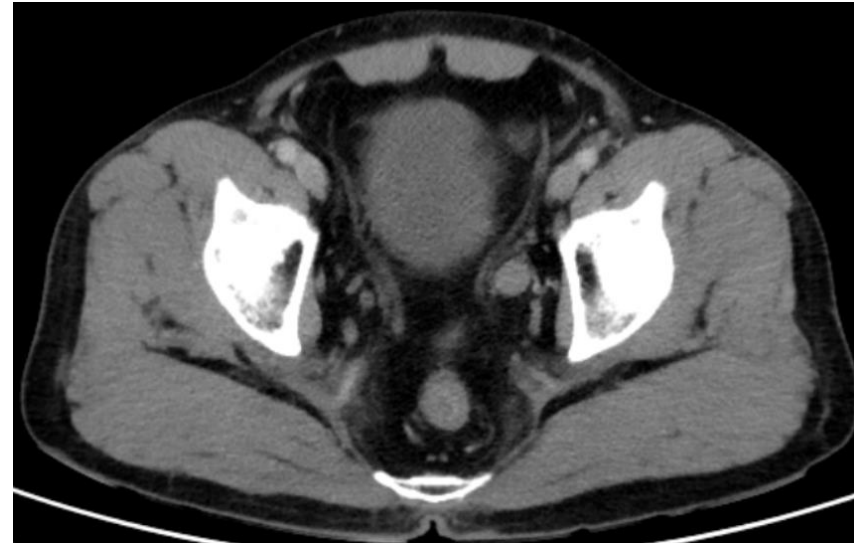
✓ GIÁ TRỊ XQCLVT TRONG ĐÁNH GIÁ GIAI ĐOẠN T UNG THƯ BIỂU MÔ ĐƯỜNG NIỆU TRÊN

▪ Đánh giá giai đoạn T1-T2

Nghiên cứu	Số case	Độ nhạy	Độ đặc hiệu	PPV (%)	NPV (%)	Độ chính xác
Yu và cs (2020)	85	83,5	75	87,6	68,2	80,8
Chúng tôi	36	86,1	84,4	86,1	84,4	85,3



Số lưu trữ: 2023/10772



Số lưu trữ: 2023/09635

4. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU – BÀN LUẬN

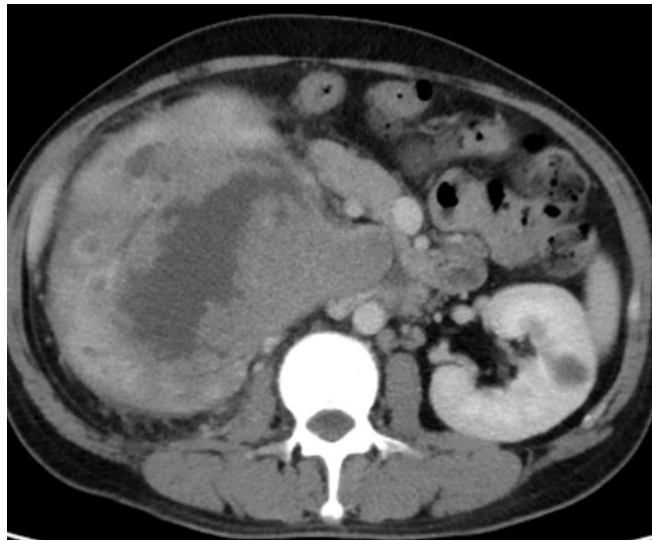
✓ GIÁ TRỊ XQCLVT TRONG ĐÁNH GIÁ GIAI ĐOẠN T UNG THƯ BIỂU MÔ ĐƯỜNG NIỆU TRÊN

▪ Đánh giá giai đoạn $\geq T3$

Nghiên cứu	Số case	Độ nhạy	Độ đặc hiệu	PPV (%)	NPV (%)	Độ chính xác
Yu và cs (2020)	40	75	83,5	68,1	87,6	80,8
Chúng tôi	32	86,1	84,4	86,1	84,4	85,3



Số lưu trữ: 2023/31283



Số lưu trữ: 2024/02930



Số lưu trữ: 2023/23721

4. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU – BÀN LUẬN

✓ GIÁ TRỊ XQCLVT TRONG ĐÁNH GIÁ GIAI ĐOẠN T UNG THƯ BIỂU MÔ ĐƯỜNG NIỆU TRÊN

▪ Đánh giá giai đoạn T3

Nghiên cứu	Số case	Độ nhạy	Độ đặc hiệu	PPV (%)	NPV (%)	Độ chính xác
Chúng tôi	25	76	86	76	86	82,4

▪ Đánh giá giai đoạn T4

Nghiên cứu	Số case	Độ nhạy	Độ đặc hiệu	PPV (%)	NPV (%)	Độ chính xác
Chúng tôi	07	85,7	98,4	85,7	98,4	97,1

4. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU – BÀN LUẬN

✓ GIÁ TRỊ XQCLVT TRONG ĐÁNH GIÁ GIAI ĐOẠN T UNG THƯ BIỂU MÔ ĐƯỜNG NIỆU TRÊN

▪ Đánh giá giai đoạn T

Giai đoạn T		Trên giải phẫu bệnh			
		T1-2	T3	T4	Tổng
Trên XQCLVT	T1-2	31	5	0	36
	T3	5	19	1	25
	T4	0	1	6	7
	Tổng	36	25	7	68
Hệ số Kappa		0.7 (KTC 95% 0.5 – 0.9)			
Hệ số Kappa hiệu chỉnh		0,7 (KTC 95% 0,6 – 0,9)			

Nghiên cứu	Đúng giai đoạn	Trên mức tổn thương	Dưới mức tổn thương
Nguyễn Thanh Vân (2015)	82,14%	17,86%	-
Yu và cs (2020)	80,8%	11,2%	8%
Chúng tôi	82,4%	8,8%	8,8%

- **Yu và cs (2020):** Mức độ đồng thuận trong đánh giá giai đoạn T giữa XQCLVT và GPB ở BN UTBMĐNT là phù hợp khá với hệ số Kappa 0,57.

5. KẾT LUẬN

❖ Đặc điểm hình ảnh ung thư biểu mô đường niệu trên trên XQCLVT

- U ở đài bể thận và niệu quản phân bố với tỷ lệ gần như nhau, riêng u ở niệu quản thì vị trí thường gặp nhất là $\frac{1}{3}$ dưới.
- Tổn thương dạng khối thường gặp nhất ở cả đài bể thận và niệu quản.
- Kích thước u trung bình là 49,6 mm với khối u lớn nhất là 148,9 mm.
- UTBMĐNT thường gây giãn hệ niệu, bắt thuốc mạnh và đều, hiếm khi đóng vôi.
- Có mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa kích thước, vị trí u và tình trạng xâm lấn.

5. KẾT LUẬN

- ❖ **Giá trị của X quang cắt lớp vi tính trong chẩn đoán giai đoạn T ung thư biểu mô đường niệu trên.**
- XQCLVT có độ nhạy, độ đặc hiệu, giá trị tiên đoán dương, giá trị tiên đoán âm, độ chính xác trong chẩn đoán giai đoạn T1-T2 lần lượt là 86,1%; 84,4%; 86,1%; 84,4%; 85,3%.
- XQCLVT có độ nhạy, độ đặc hiệu, giá trị tiên đoán dương, giá trị tiên đoán âm, độ chính xác trong chẩn đoán giai đoạn T3 lần lượt là 76%; 86%; 76%; 86%; 82,4%.
- XQCLVT có độ nhạy, độ đặc hiệu, giá trị tiên đoán dương, giá trị tiên đoán âm, độ chính xác trong chẩn đoán giai đoạn T4 lần lượt là 85,7%; 98,4%; 85,7%; 98,4%; 97,1%.
- Chẩn đoán giai đoạn T trên XQCLVT phù hợp tốt với kết quả GPB.

6. HẠN CHẾ - KIẾN NGHỊ

HẠN CHẾ

- Nghiên cứu hồi cứu và chọn mẫu thuận tiện => Sai lệch chọn mẫu.
- Nghiên cứu ở một đơn vị => Thiếu tính khách quan của nghiên cứu.
- XQCLVT còn hạn chế trong việc phân biệt giai đoạn T1-T2

KIẾN NGHỊ

- Phương pháp nghiên cứu tối ưu hơn, cỡ mẫu lớn hơn, đa trung tâm.
- Kết hợp XQCLVT, CHT trong chẩn đoán UTBMĐNT.



HỘI NGHỊ KHOA HỌC CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH TP.HCM MỞ RỘNG XII - 2025

**CẢM ƠN QUÝ THẦY CÔ VÀ ĐỒNG
NGHIỆP ĐÃ CHÚ Ý LẮNG NGHE**



HỘI NGHỊ KHOA HỌC CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH TP.HCM MỞ RỘNG XII - 2025

GIÁ TRỊ CỦA X QUANG CẮT LỚP VI TÍNH TRONG ĐÁNH GIÁ UNG THƯ BIỂU MÔ ĐƯỜNG NIỆU TRÊN

BSNT. HOÀNG HỒNG PHÚC
THS.BS CKII ĐẶNG NGỌC THẠCH

Nha Trang, ngày 11 tháng 04 năm 2025